

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/DSST  
Ngày: 06-06-2022  
*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
2. Bà Lê Thị Chí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Lầu U, số M đường N, Phường T, Quận E, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm X (Theo Giấy ủy quyền số 308/2020/UQ-TTT ngày 09/9/2020).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn X, sinh năm Y, địa chỉ: Số R đường N, Phường P, quận G, Thành phố H.

(Phiên tòa vắng mặt ông Thắng, ông X)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2020 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/10/2008, ông Phạm Văn X có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín). Căn cứ thu nhập của ông X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.502.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông X đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 8.250.000 đồng rồi ngưng không thanh toán. Do ông X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 06/6/2022 ông X còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 21.858.378 đồng, nợ lãi là 86.120.711 đồng, tổng cộng là 107.979.089 đồng.

Do ông X vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông X phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra yêu cầu ông X phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 07/6/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn là ông Phạm Văn X mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông X không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông X về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông X thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường P, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông X đã không còn cư trú tại địa chỉ số R đường N, Phường P, quận G, Thành phố H, hiện đi đâu không rõ. Như vậy, ông X thay đổi nơi cư trú không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử xác định địa chỉ số R đường N, Phường P, quận G, Thành phố H là nơi cư trú cuối cùng của ông X và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu do đó Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/10/2008; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S; Thông báo ngày 05/8/2009 và 05/9/2009 có cơ sở để xác định giữa ông X và Ngân hàng có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông X vay số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất và phí theo Biểu phí áp dụng chung cho các sản phẩm dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Việc xác lập giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và ông X là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận tại Điều 18, 19 Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, ông X phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào trước ngày đến hạn được ghi trong Thông báo giao dịch. Thực hiện hợp đồng ông X đã thanh toán được cho Ngân hàng nợ gốc là 8.250.000 đồng rồi ngưng không thanh toán. Như vậy ông X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Khoản 1 điều 474 Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông X thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 06/6/2022 là 107.979.089 đồng, trong đó nợ gốc là 21.858.378 đồng, nợ lãi là 86.120.711 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Do ông X vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc ông X phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/6/2022 ông X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông X phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn X phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 06/6/2022 là 107.979.089 đồng, trong đó nợ gốc là 21.858.378 đồng, nợ lãi là 86.120.711 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/6/2022 ông Phạm Văn X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Phạm Văn X phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.398.954 đồng ông Phạm Văn X phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Slà 2.303.569 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027124 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Nguyễn Hà Hải**